

Số: 70 /2010/QĐ-UBND

Biên Hoà, ngày 23 tháng 11 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về chức danh, số lượng, chế độ chính sách
cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã;

Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08 tháng 4 năm 2010 của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị quyết số 183/2010/NQ-HĐND ngày 26 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai,

Xét đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 264/TTr-CAT-PV28 ngày 06/9/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về chức danh, số lượng và chế độ chính sách cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các Sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công an, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, các Ban Đảng TU;
- TT HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh;
- TT UBMTTQ tỉnh, các đoàn thể;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Đài PT-TH Đồng Nai;
- Sở Tư pháp, TTCB;
- Lưu: VP.NC(QQ).



Yỗ Văn Một

QUY ĐỊNH
Chức danh, số lượng và chế độ chính sách
cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 70 /2010/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 11 năm 2010 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này quy định về chức danh, số lượng và chế độ chính sách cho Công an xã trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Chức danh, số lượng, chế độ chính sách cho Công an xã được thực hiện ở 136 xã trên địa bàn tỉnh.

Chương II
CHỨC DANH, SỐ LƯỢNG CÔNG AN XÃ

Điều 3. Chức danh, số lượng Phó trưởng Công an xã

1. Bố trí chức danh, số lượng Phó trưởng Công an xã căn cứ vào điểm a, khoản 2, Điều 3 Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ và điểm a, khoản 1, Điều 13 Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an.

2. Theo quy định nói trên số lượng 268 Phó trưởng Công an xã, được bố trí như sau:

a) Xã loại 1 và xã loại 2: Gồm 132 xã, số lượng 264 Phó trưởng Công an xã, mỗi xã bố trí 02 Phó trưởng Công an xã.

b) Xã loại 3: Gồm 04 xã, số lượng 04 Phó trưởng Công an xã, mỗi xã bố trí 01 Phó trưởng Công an xã.

Điều 4. Số lượng Công an viên

1. Công an viên thường trực

Bố trí số lượng Công an viên thường trực căn cứ vào điểm c, khoản 2, Điều 3, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ và điểm c, khoản 1, Điều 13, Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an. Số lượng 408 Công an viên, mỗi xã bố trí 03 Công an viên.

2. Công an viên phụ trách ấp

a) Bố trí số lượng Công an viên phụ trách áp căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 3, Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ và điểm b, khoản 1, Điều 13 Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an. Số lượng 1.535 Công an viên, được bố trí như sau:

b) Tổng số áp thuộc xã loại 1 và xã loại 2: 763 áp. Số lượng 1.526 Công an viên, mỗi áp bố trí 02 Công an viên.

c) Tổng số áp thuộc xã loại 3: 9 áp. Số lượng 09 Công an viên, mỗi áp bố trí 01 Công an viên.

Chương III

TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN, TRANG PHỤC, CÔNG CỤ HỖ TRỢ VÀ NƠI LÀM VIỆC CHO CÔNG AN XÃ

Điều 5. Trang bị phương tiện

1. Xe mô tô: 136 xe, mỗi Ban Công an xã trang bị 01 xe.
2. Máy vi tính: 136 bộ máy vi tính để bàn (Bộ máy vi tính, máy in), mỗi Ban Công an xã 01 bộ.
3. Bàn vi tính: 136 cái, mỗi Ban Công an xã 01 cái.
4. Tủ sắt đựng hồ sơ loại 4 cánh: 136 cái, mỗi Ban Công an xã 01 cái.
5. Bàn làm việc: 272 cái, mỗi ban Công an xã 02 cái.
6. Bàn tiếp dân: 136 cái, mỗi ban Công an xã 01 cái.
7. Ghế làm việc và tiếp dân: 1.360 cái, mỗi xã 10 cái.
8. Giường cá nhân (giường, chăn, màn, gối): 544 bộ, mỗi Ban Công an xã 04 bộ.
9. Kinh phí mua trang bị phương tiện nói trên sử dụng từ ngân sách cấp huyện.

Điều 6. Trang phục

a) Căn cứ Nghị định số 73/2009/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an, việc trang bị trang phục cho Công an xã thực hiện như sau:

STT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn (năm)
1	Mũ mềm	Cái	01	02
2	Mũ cứng	Cái	01	03
3	Mũ Kê pi	Cái	01	04
4	Mũ bảo hiểm	Cái	01	04
5	Áo sơ mi	Cái	02	02
6	Quần áo xuân hè	Bộ	02	01
7	Huy hiệu Công an xã	Bộ	01	03

8	Phù hiệu Công an xã	Bộ	02	01
9	Bảng tên	Cái	01	03
10	Công an hiệu, cảnh tùng kép	Cái	01	03
11	Dây lưng nhỏ	Cái	01	03
12	Giày da	Đôi	01	01
13	Bít tất (vớ)	Đôi	02	01
14	Ca ra vát	Cái	01	02
15	Quần, áo đi mưa	Bộ	01	03

b) Kinh phí mua sắm trang phục cho lực lượng Công an xã sử dụng từ ngân sách cấp huyện.

Điều 7. Công cụ hỗ trợ

Việc trang bị công cụ hỗ trợ cho Công an xã thực hiện theo khoản 1, Điều 15, Thông tư số 12/2010/TT-BCA ngày 08/4/2010 của Bộ Công an.

Điều 8. Trụ sở, nơi làm việc của Công an xã

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hoà có kế hoạch bố trí trụ sở hoặc nơi làm việc cho Công an xã đảm bảo: Có phòng làm việc, phòng thường trực tiếp công dân giải quyết thủ tục hành chính, phòng ăn, phòng nghỉ và các phòng được bố trí những trang thiết bị cần thiết cho công tác và sinh hoạt.

Chương IV

CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH CHO CÔNG AN XÃ

Điều 9. Hệ số phụ cấp

1. Phó trưởng Công an xã: Hưởng phụ cấp theo hệ số 1.0 mức lương tối thiểu.
2. Công an viên: Hưởng phụ cấp theo hệ số 1.0 mức lương tối thiểu.

Điều 10. Chế độ chính sách

1. Phó trưởng Công an xã và Công an viên có thời gian công tác liên tục từ đủ 15 năm trở lên nếu nghỉ việc vì lý do chính đáng thì được hưởng trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được tính bằng 1,5 tháng mức bình quân phụ cấp hiện hưởng; khi được cử đi tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ được hưởng chế độ bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản của chiến sỹ phục vụ có thời hạn trong công an nhân dân; khi đi công tác được hưởng chế độ như đối với công chức cấp xã.

2. Phó trưởng Công an xã và Công an viên khi làm nhiệm vụ thường trực sẵn sàng chiến đấu tại những nơi thuộc địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh, trật tự được hưởng trợ cấp mỗi ngày bằng 0,05 lần tiền lương tối thiểu chung. Trường hợp làm nhiệm vụ cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày

thì được cơ quan đã ra quyết định huy động bố trí nơi nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi, về.

3. Phó trưởng Công an xã và Công an viên bị ốm đau trong thời gian công tác được khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và được hỗ trợ thanh toán tiền khám, chữa bệnh từ nguồn ngân sách địa phương, mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

4. Phó trưởng Công an xã và Công an viên bị tai nạn trong khi làm nhiệm vụ, trong khi tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ hoặc trên đường đi làm nhiệm vụ, trên đường đi, về nơi tập trung đào tạo, huấn luyện, bồi dưỡng chính trị, pháp luật, nghiệp vụ theo quyết định triệu tập của cấp có thẩm quyền thì được hưởng các chế độ như sau:

a) Được thanh toán chi phí y tế trong quá trình sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật, xuất viện;

b) Sau khi điều trị, được Ủy ban nhân dân xã giới thiệu đi giám định khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa theo quy định của pháp luật;

Trường hợp người có tham gia bảo hiểm xã hội thì thực hiện trợ cấp một lần hoặc hàng tháng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội. Trường hợp người chưa tham gia bảo hiểm xã hội bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì hưởng chế độ trợ cấp một lần, mức trợ cấp được hưởng theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Người bị tai nạn làm khiếm khuyết một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng, biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng hoạt động, khiến cho lao động, học tập gặp nhiều khó khăn thì được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với người tàn tật.

d) Trường hợp bị chết, kể cả chết trong thời gian điều trị lần đầu, nếu người chết có tham gia bảo hiểm xã hội thì thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; trường hợp người chết chưa tham gia bảo hiểm xã hội thì người chịu trách nhiệm mai táng được nhận tiền mai táng bằng 08 tháng lương tối thiểu và gia đình của người đó được trợ cấp một lần bằng 05 tháng lương tối thiểu.

6. Phó trưởng Công an xã và Công an viên bị thương, hy sinh khi làm nhiệm vụ hoặc vì lý do thi hành công vụ, được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

7. Kinh phí chi trả các chế độ bị tai nạn do ngân sách cấp huyện chi trả. Đối với người có tham gia bảo hiểm xã hội thì do quỹ bảo hiểm xã hội chi trả.

8. Phó trưởng Công an xã và Công an viên được miễn thi hành nghĩa vụ quân sự khi đang công tác trong lực lượng Công an xã.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa trong phạm vi quyền hạn, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn đơn vị các cấp và tổ chức thực hiện.

Thời gian thực hiện tiền phụ cấp và các chế độ chính sách khác cho lực lượng Công an xã từ ngày 01/01/2011.

Điều 12. Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, Công an tỉnh phối hợp các sở, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Võ Văn Một